

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2023

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 524/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/8/2023 về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Chiêm Thị Thu M, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Châu Ngọc L, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường T, thành phố C, Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chiêm Thị Thu M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó bà M yêu cầu xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L có 02 người con chung tên: Châu Hoàng P, sinh ngày 02/01/2008; Châu Hoàng Â, sinh ngày 01/12/2004. Hiện 02 người con chung đang sống với bà M. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Đối với cháu Â đã thành niên, có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Chiêm Thị Thu M xác định bà và ông Châu Ngọc L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Châu Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Ông Châu Ngọc L và bà Chiêm Thị Thu M chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do đó ông L đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông Châu Ngọc L và bà Chiêm Thị Thu M có 02 người con chung tên: Châu Hoàng P, sinh ngày 02/01/2008; Châu Hoàng Â, sinh ngày 01/12/2004. Khi ly hôn, con chung tên Hoàng P có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Hoàng Â đã thành niên, nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Châu Ngọc L xác định ông và bà Chiêm Thị Thu M không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc nên ông L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Châu Ngọc L xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L xác định ông, bà tổ chức đám cưới, chung sống như vợ chồng với nhau khoảng năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà M cho rằng hiện cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên xin ly hôn với ông L. Xét việc bà M xin ly hôn và được ông L đồng ý, đây là ý chí tự nguyện của các bên, nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên bố không công nhận bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L là vợ chồng.

[3] Bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L xác định ông, bà có 02 người con chung tên: Châu Hoàng P, sinh ngày 02/01/2008; Châu Hoàng Â, sinh ngày 01/12/2004. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà M phù hợp với nguyện vọng con chung, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà M về việc buộc ông L cấp dưỡng nuôi con chung tên Châu Hoàng P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: Cha, mẹ không

trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền L của con chung, cần buộc ông Châu Ngọc L cấp dưỡng nuôi cháu Châu Hoàng P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hằng tháng.

Đối với cháu Châu Hoàng A đã thành niên, bà M và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Chiêm Thị Thu M và ông Châu Ngọc L là vợ chồng.

Giao cháu Châu Hoàng P, sinh ngày 02/01/2008 cho bà Chiêm Thị Thu M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Châu Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Châu Hoàng P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hằng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Chiêm Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng. Ngày 28/8/2023, bà M có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003917, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Châu Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thẩm

